

Số: 3307/QĐ-UBND

Phước Thái, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất
của bà Nguyễn Thị Kim Lương tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về Quy định về phân định của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết ban hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 3629/UBND-KTN ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho 95 đơn vị hành chính cấp xã.

Căn cứ Quyết định số 8942/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Phước Bình, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã Phước Thái tại Tờ trình số 742/TTr-PKT ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bà Nguyễn Thị Kim Lương, CCCD số 031187010574, địa chỉ: Số F9-A11 Chung cư Homyland 2, phường Bình Trung, thành phố Hồ Chí Minh được chuyển mục đích sử dụng 903,9m² đất trồng cây trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 177 xã Phước Thái và hình thức sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất là giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.
- Thời hạn sử dụng đất là ổn định lâu dài.
- Vị trí, ranh giới thửa đất xin chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất số 9177/2025/HĐ số: 03003/25LP ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – CN Long Thành.
- Giá đất tính tiền sử dụng đất phải nộp: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng trên một mét vuông) theo giá đất ở tại nông thôn quy định tại Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (thửa đất số 29 tờ bản đồ số 177 thuộc vị trí 4).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Đề nghị Thuế Cơ sở 5 tỉnh Đồng Nai thực hiện:

1.1. Xác định tiền sử dụng đất phải nộp; hướng dẫn thực hiện giảm tiền sử dụng đất, khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, theo dõi trường hợp miễn tiền sử dụng đất, phí, lệ phí (nếu có);

1.2. Ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, phí, lệ phí và thông báo cho người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, phí, lệ phí theo quy định;

1.3. Thu tiền sử dụng đất, phí, lệ phí (nếu có).

